ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG.

Địa chỉ: Số 1 Lê Thị Trung, Khu phố 4, Phường Phú Lợi, TX-TDM, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : 0650 3838988 – Fax : 0650 3838200 – Website : www.bccco.com.vn

Annual report

2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÒA NHÀ TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

BECAMEX TOWER

TRƯỜNG ĐHQT MIỀN ĐÔNG

BECAMEX BCC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG.

mục lục

	Tờ mở đầu
01	Mục lục
02 - 05	Lịch sử hoạt động của công ty
06 - 08	Báo cáo của Hội đồng quản trị
09 - 14	Báo cáo của Ban tổng giám đốc
15 - 34	Một số công trình tiêu biểu năm 2010
35 - 63	Báo cáo tài chính năm 2010
64	Các công ty có liên quan
65 - 70	Tổ chức và nhân sự
71 - 79	Thông tin cổ đông/ Thành viên góp vốn & Quản trị công ty

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

CÔNG TY ĐẠI CHÚNG :

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

• Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000039 ngày 25/02/2002 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư cấp ngày 25/02/2002 và thay đổi giấy phép lần 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700408992 ngày 03/03/2011.

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG.**
- Tên tiếng Anh : **Binh Duong Construction & Civil Engineering Joint Stock Company.**
- Tên viết tắt : **BCCE**
- Lô gô :
- Trụ sở chính : **Số 01 Đường Lê Thị Trung, Phú Lợi , TX-Thủ Dầu Một, Bình Dương**
- Điện thoại : **06503.838203 Fax: 06503.838202**
- Email : **info@bccco.com.vn**
- Website : **www.bccco.com.vn & www.becamexbcc.com.vn**
- Vốn điều lệ : **300.000.000.000 đồng**
- Năm báo cáo tài chính: **năm 2010**

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1. Những sự kiện quan trọng

✓ **Việc thành lập:**

Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000039 ngày 25/02/2002 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư cấp ngày 25/02/2002 và thay đổi giấy phép lần 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700408992 ngày 03/03/2011.

Vào thời điểm năm 2002, để đáp ứng nhu cầu thi công xây dựng các công trình trong nội bộ và bên ngoài : Công ty Becamex IDC đã thành lập Công ty BCC với vốn điều lệ ban đầu 7 tỷ đồng trong đó BECAMEX IDC nắm 35% trong vai trò của cổ đông sáng lập, số còn lại được các cán bộ công nhân viên trong Công ty BCCE tham gia góp vốn (65%). Trong quá trình hoạt động từ 2002 đến nay : tỷ lệ tham gia vốn nêu trên đã thay đổi dần và hiện nay BECAMEX IDC nắm giữ 51,82 % vốn điều lệ (300.000.000.000 đồng). Trong thời gian tới để phù hợp với quy mô hoạt động Công ty BCCE dự kiến tăng vốn điều lệ đến 600 tỷ đồng vào năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cập bổ sung các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

Thời điểm	Vốn điều lệ	Nội dung thay đổi
Khi thành lập Công ty	7.000.000.000 đồng	
Lần 2 năm 2003	10.000.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ
Lần 3 năm 2005	20.000.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ
Lần 4 năm 2006	28.000.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ
Lần 5 năm 2007	98.720.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh : Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; Sản xuất vật liệu xây dựng ; Cho thuê nhà xưởng , nhà ở , nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính.
Lần 6 năm 2010	200.000.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh : Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh dịch vụ bất động sản (môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản , đấu giá bất động sản , quản lý bất động sản - trừ định giá bất động sản).
Lần 7 năm 2011	300.000.000.000 đồng	Tăng vốn điều lệ

Cổ phiếu đã niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE):

- Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương**
- Mã cổ phiếu : **BCE**
- Loại cổ phiếu : **Cổ phiếu phổ thông**
- Mệnh giá : **10.000đồng**
- Hình thức đăng ký lưu ký : **Ghi sổ**
- Số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký : **20.000.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu niêm yết : **20.000.000 cổ phiếu**
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết : **200.000.000.000 đồng**

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- ✓ Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- ✓ Xây dựng công trình giao thông.
- ✓ San lấp mặt bằng.
- ✓ Lắp đặt cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn,
- ✓ Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp.
- ✓ Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn.
- ✓ Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí ngoại nội thất.
- ✓ Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng nhà ở, nhà văn phòng.
- ✓ Kinh doanh bất động sản.Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản).
- ✓ Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch chi tiết , thiết kế các công trình dân dụng công nghiệp, thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ), Thiết kế công trình điện trung hạ thế và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, thiết kế hệ thống chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ✓ Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.
- ✓ Lập dự án đầu tư.
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng.
- ✓ Đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực sau:

✓ *Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh địa ốc:* Hiện đang là lĩnh vực hoạt động được đánh giá là tiềm năng nhất và hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả cao cho Công ty. Trong thời gian vừa qua Công ty đã và đang thực hiện thành công nhiều dự án bất động sản lớn , xây dựng các khu đô thị mới như: Trung tâm thương mại Mỹ Phước II , dự án phố thương mại tại Thành phố mới Bình Dương...Trong tương lai, hướng đầu tư Công ty sẽ được chọn lọc kỹ nhằm vào các phân khúc thị trường tiềm năng như xây dựng các căn hộ từ mức trung bình tới cao cấp trong tỉnh.

✓ *Lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông:* Đây là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty BCCE là các công trình xây dựng Công ty nhận thầu: Trong thời gian qua Công ty BCCE đã và đang triển khai xây dựng các dự án lớn cho nhà đầu tư trong và ngoài nước như: Nhà xưởng Công ty NSE, IMG, SPG, Hạ Tầng Khu Dân Cư Hòa Lợi, đặc biệt trong năm 2010 Công ty đã thi công xây dựng các công trình trọng điểm của Công ty Becamex : nhà cao tầng (cao ốc văn phòng và các khu chung cư cao cấp, Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông, Trung Tâm Hành Chánh tập trung...) nên luôn đòi hỏi yêu cầu cao về tiến độ xây dựng, biện pháp thi công đồng thời phải thỏa mãn về chất lượng công trình và thẩm mỹ đối với khách hàng. Với bề dày kinh nghiệm và năng lực thi công đã được chứng minh qua thực tế trong nhiều năm liền, chắc chắn trong thời gian tới Công ty sẽ là một nhà thầu xây dựng có sức cạnh tranh cao trên thương trường.

✓ *Lĩnh vực hoạt động đầu tư:* Công ty tích cực tham gia đầu tư vào các tổ chức qua hình thức liên doanh hoặc tham gia góp vốn đối với các Công ty có tiềm năng và kinh doanh hiệu quả cụ thể:

3. Định hướng phát triển

Các mục tiêu hoạt động của Công ty:

✓ Công ty BCCE không tự thõa mãn với những thành quả đã đạt được trong hiện tại, Công ty BCCE luôn tự hoàn thiện và nỗ lực không ngừng để vươn tới tầm cao mới. Luôn phát huy hết năng lực và tiềm năng để hoàn thành và tìm kiếm những cơ hội kinh doanh đột phá, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh nhà.

✓ Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa, hợp pháp.

- ✓ Tạo công ăn việc làm ổn định và từng bước nâng cao cuộc sống cho người lao động.
- ✓ Tăng cổ tức cho các cổ đông, bảo tồn và phát triển nguồn vốn cổ đông.
- ✓ Hoàn thành các nhiệm vụ do Đại Hội Đồng Cổ Đông đề ra.
- ✓ Thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

✓ Đối với nghiệp vụ kinh doanh bất động sản: Mở rộng lĩnh vực xây dựng kinh doanh bất động sản với các dự án có tiềm năng phát triển tại Khu liên hợp tỉnh Bình Dương do Becamex IDC làm chủ đầu tư. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu các dự án mới có tiềm năng phát triển phù hợp với quy hoạch và tốc độ tăng trưởng của Bình Dương và các tỉnh lân cận.

✓ Đối với nghiệp vụ thi công xây dựng : Tiếp tục đẩy mạnh phát triển lĩnh vực thi công xây lắp với nhiệm vụ thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng do Công ty làm chủ đầu tư và nhận thầu. Trang bị thêm các máy móc thiết bị hiện đại dùng trong thi công nhà cao tầng để đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình.

✓ Mục tiêu của Công ty là phát triển một cách mạnh mẽ và vững vàng để khẳng định thương hiệu BCCE trong nền kinh tế cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động và tình hình thực hiện so với kế hoạch trong năm 2010

Doanh thu và lợi nhuận năm 2010:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu thuần	470.000.000.000	627.347.223.100	113.48%
Lợi nhuận trước thuế	46.600.000.000	57.385.738.793	123.15%
Lợi nhuận sau thuế	34.950.000.000	43.040.151.380	123.15%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.748	2.152	123.11%
Nộp ngân sách		30.255.309.511	
Thu nhập bình quân người / tháng		6.500.000 đồng/tháng	

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

✓ Xác định các dự án trọng điểm của Công ty mẹ Becamex IDC cũng là công trình trọng điểm của Công ty BCCE; vì vậy luôn chú trọng công tác chỉ đạo thi công, tiến độ chất lượng các công trình được giao.

✓ Thay đổi chiến lược kinh doanh: Giữ vững ổn định trong lĩnh vực xây lắp, từng bước chuyển hoá sang lĩnh vực đầu tư, phù hợp với mục tiêu của Công ty mẹ. Mục tiêu trước mắt là tập trung vào những dự án quy mô vừa và nhỏ phù hợp với năng lực của công ty. Đặc biệt chú trọng đến các dự án cấp 2 của Công ty mẹ, vừa nâng cao tỷ trọng đầu tư, vừa nhanh chóng tiếp cận thích ứng quy trình đầu tư.

✓ Để đáp ứng các thay đổi trên, Công ty đã củng cố bộ máy tổ chức đáp ứng tốt nhiệm vụ trong hoạt động xây lắp truyền thống vừa tăng cường nhân lực cho hoạt động đầu tư dự án.

✓ Ngày 11/11/2009, Theo Quyết định số 449/UBCK-GCN Công ty BCCE đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho 02 giai đoạn.

✓ Ngày 15/06/2010 20.000.000 cổ phiếu mã chứng khoán BCE của Công ty BCCE đã được niên yết và giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TPHCM theo quyết định số 116/QĐ-SGDHCM.

✓ Ngày 28/06/2010 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty BCCE.

✓ Ngày 05/11/2010, theo công văn số 3595/UBCK-QLPH của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty BCCE cho giai đoạn 2.

✓ Ngày 14/01/2011 Công ty đã phát hành thành công việc chào bán cổ phiếu giai đoạn 2: **100.000.000 cổ phiếu** với mệnh giá: **10.000 đồng/ cổ phiếu** tương đương số tiền: **100.000.000 đồng** (tăng vốn từ 200.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng).

✓ Cũng trong thời gian đó Công Ty BCCE đã thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 7 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700408992 cấp ngày 03/03/2011 với vốn điều lệ mới **300.000.000.000 tỷ đồng.**

3. Triển vọng và kế hoạch dự kiến trong tương lai

✓ Chuyên nghiệp hóa các hoạt động nhận thầu xây dựng, chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ, thỏa mãn thị hiếu của khách hàng.

✓ Tăng cường việc sản xuất và cung cấp các mặt hàng kết cấu thép nhằm cung cấp kịp thời và đủ các chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng cho các công trình xây dựng của Công ty.

✓ Tăng cường hoạt động kinh doanh bất động sản, tổ chức tiếp thị quảng cáo các sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của Công ty.

✓ Mở rộng hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp dân dụng, công nghiệp, giao thông.

✓ Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính, con người và kinh nghiệm để mở rộng đầu tư vào các dự án với tiêu chí: tập trung vào các khu trung tâm thương mại, các khu biệt thự cao cấp làm nơi nghỉ dưỡng kết hợp với cảnh quan thiên nhiên phong phú, các văn phòng cho thuê, nhà ở, các căn hộ chung cư cao cấp...

✓ Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình do Becamex giao, đảm bảo bàn giao công trình đúng tiến độ theo yêu cầu.

4. Kế hoạch năm 2011

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 giao cho Công ty thực hiện với các chỉ tiêu tài chính như sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	KH 2011	KH 2011 /TH 2010	
			Tuyệt đối	%
Tổng doanh thu (đồng)	627.347.223.100	1.000.000.000.000	372.652.776.900	159.40%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	57.385.738.793	95.000.000.000	37.614.261.207	165.55%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	43.040.151.380	71.250.000.000	28.209.848.620	165.55%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.152	2.375	223	110.36%

Dự kiến kế hoạch thực hiện các công trình trong năm 2011

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	GIÁ TẠM TÍNH
I	**XÂY DỰNG**	**850.000.000.000**
1	BECAMEX TOWER (PHẦN HOÀN THIỆN	50.000.000.000
2	CHUNG CƯ SUNRIES (PHẦN THÂN BLOCK C,D)	40.000.000.000
3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG	
	PHẦN CÒN LẠI GIAI ĐOẠN 1	45.000.000.000
	BLOCK 9(13.320m2)	25.000.000.000
	BLOCK 10 (15.104m2)	30.000.000.000
	HỘI TRƯỜNG	25.000.000.000
4	BỆNH VIỆN QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG	40.000.000.000
5	TRUNG TÂM HÀNH CHÁNH TẬP TRUNG	220.000.000.000
6	NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI (KTX SINH VIÊN)	235.000.000.000
7	NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI (5320m2)	30.000.000.000
8	HẠ TẦNG VSIP 2 MỞ RỘNG	40.000.000.000
9	CÁC DỰ ÁN KHÁC	70.000.000.000
II	**DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN**	**150.000.000.000**
	GIAI ĐOẠN 1 (168 CĂN)	80.000.000.000
	PHỐ THƯƠNG MẠI RICH LAND	70.000.000.000
	TỔNG CỘNG	**1.000.000.000.000**

5. Kết luận

✓ Để đạt kế hoạch kinh doanh nêu trên, Ban điều hành cũng thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành, phát huy các kết quả đạt được trong năm 2010, từng bước tiếp tục cắt giảm lãng phí trong mọi hoạt động của Công ty.

✓ Công ty BCCE rất mong muốn được sự ủng hộ của toàn thể quý cổ đông, cán bộ công nhân viên để hoàn thành vượt mức các mục tiêu đã đề ra cho năm 2011 và những năm tiếp theo.

1.Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Phân tích tình hình tài chính:

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**			
1.1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	88.00	85.64
	- Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	12.00	14.36
1.2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	47.52	42.33
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	52.48	57.67
2.	**Khả năng thanh toán**			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.46	2.13
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2.31	2.02
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.19	0.44
3.	**Tỷ suất sinh lời**			
3.1	**Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9.15	15.34
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6.86	12.68
3.2	**Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản**			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	13.18	10.73
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	9.89	8.87
3.3	**Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu**	**%**	**18.84**	**15.38**

1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 : **223.262.593.312 đồng.**

1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp :

Vốn chủ sở hữu đầu năm 2010 : 200.000.000.000 đồng.

Vốn chủ sở hữu cuối năm 2010: **200.000.000.000 đồng.**

1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại :

- o Cổ phiếu thường : 20.000.000 CP
- o Cổ phiếu ưu đãi : Không có

1.5 Số lượng cổ phiếu lưu hành : 20.000.000 CP

1.6 Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : không có.

1.7 Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi): không có.

1.8. Số lượng cổ phiếu dự trử, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có.

1.9. Cổ tức/lợi nhuận tạm ứng đợt 1 cho các thành viên góp vốn : cổ tức 15%

đợt 2 cho các thành viên góp vốn : cổ tức 2%

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

a) Thuận lợi:

✓ Sự ra đời hàng loạt các dự án khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư đã cung cấp cho thị trường những dự án về xây dựng nhà xưởng, cơ sở hạ tầng, bất động sản đa dạng và phong phú, giúp Công ty BCCE thể hiện được khả năng của mình trong việc tham gia thị trường chung và tạo nét đặc trưng riêng của thương hiệu BCCE giúp cho nhiều đối tác và các nhà đầu tư trong và ngoài nước biết đến.

✓ Sự hỗ trợ toàn diện của Tổng Công ty Đầu Tư & Phát Triển Công Nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC trong kinh doanh đã giúp cho Công Ty BCCE có những bước đi đột phá trong lĩnh vực xây dựng & bất động sản. Các công trình Công ty thi công trong năm 2010 chủ yếu là công trình do Công ty Becamex IDC làm chủ đầu tư như Becamex City Center, Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông, Bệnh viện Đa Khoa Quốc Tế Miền Đông , Nhà cao tầng Block H , Becamex Tower , Becamex Sunries, Nhà Liên Kế 9 căn, 12 căn, Nhà Hàng Tiệc Cưới, Nhà Ở Sinh Viên...và các dự án liên doanh liên kết như : Trung tâm thương mại Mỹ Phước 2, Khu phố thương mại tại thành phố mới Bình Dương…Sự hợp tác toàn diện với công ty mẹ đã tạo lợi thế vượt trội cho Công ty BCCE trong lĩnh vực học tập và nâng cao kinh nghiệm về quản lý, về đầu tư…

b) Khó khăn:

✓ Nền kinh tế cả nước nói chung gặp nhiều khó khăn, sự cạnh tranh trong lĩnh vực thi công xây dựng ngày càng quyết liệt, các thành phần kinh tế tham gia hoạt động xây lắp đầu tư ngày càng nhiều…dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong tìm kiếm việc làm.

✓ Các công trình Công ty thi công thường là các công trình trọng điểm của Công ty mẹ có quy mô lớn, thời gian thi công dài, nên việc nghiệm thu thanh toán còn chậm dẫn đến khó khăn trong cân đối dòng tiền. Ngoài ra, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay lạm phát tăng cao, chính sách kinh tế vĩ mô chưa ổn ổn định đến khó khăn cho Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm và những năm tới.

✓ Thị trường bất động sản đang có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên lượng cầu còn rất hạn chế.

3.Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009	NĂM 2010		TỈ LỆ	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH 10/09	TH10/KH10
1	2	3	4	5	6 =5/3	7=5/4
01	**Tổng doanh thu**	**275.831.625.076**		**627.678.606.736**	**227.56%**	
02	**Doanh thu thuần**	**273.175.172.348**	**470.000.000.000**	**627.347.223.100**	**12.47%**	**133.48%**
03	**Giá vốn hàng bán**	**228.388.828.598**		**569.244.046.051**	**229.65%**	
04	**Lợi nhuận gộp**	**44.786.343.750**		**8.103.177.049**	**129.73%**	
	Tỉ lệ /DT thuần	16.39%		9.26%		
05	Thu nhập Tài chính	1.404.383.429		1.938.628.804	138.04%	
06	Chi phí Tài chính	714.999.997		472.137.818	66.03%	
07	**Chi phí bán hàng**					
	Tỉ lệ /DT thuần					
08	**Chi phí quản lý DN**	**6.509.017.979**		**6.547.108.939**	**100.59%**	
09	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**	**38.966.709.203**		**53.022.559.096**	**136.07%**	
	Tỉ lệ /DT thuần	14.26%		8.45%		
10	Lợi nhuận khác	2.938.751.610		4.363.179.697	148.47%	
11	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**41.905.460.813**	**46.600.000.000**	**57.385.738.793**	**136.94%**	**123.15%**
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.279.171.780		14.345.587.413	197.08%	
13	**Tổng lợi nhuận sau thuế**	**34.626.289.033**	**34.950.000.000**	**43.040.151.380**	**124.30%**	**123.15%**
14	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**3.488**	**1.748**	**2.152**	**61.70%**	**123.11%**

✓ Năm 2010 tiếp tục là một năm thành công của Công ty. Công ty đã hoàn thành 133.48% kế hoạch.
✓ Tổng doanh thu đạt 627.347.223.100 đồng, tăng 129.65 % so với năm 2009.
✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 57.385.738.793 đồng tăng 36.94% so với năm 2009 và đạt 123.15% kế hoạch.
✓ Lợi nhuận sau thuế đạt 43.040.151.380 đồng tăng 24.30% với năm 2009 và đạt 123.15 % kế hoạch.
✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 2.152 đồng/cổ phiếu.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU CỦA BCCE TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2010

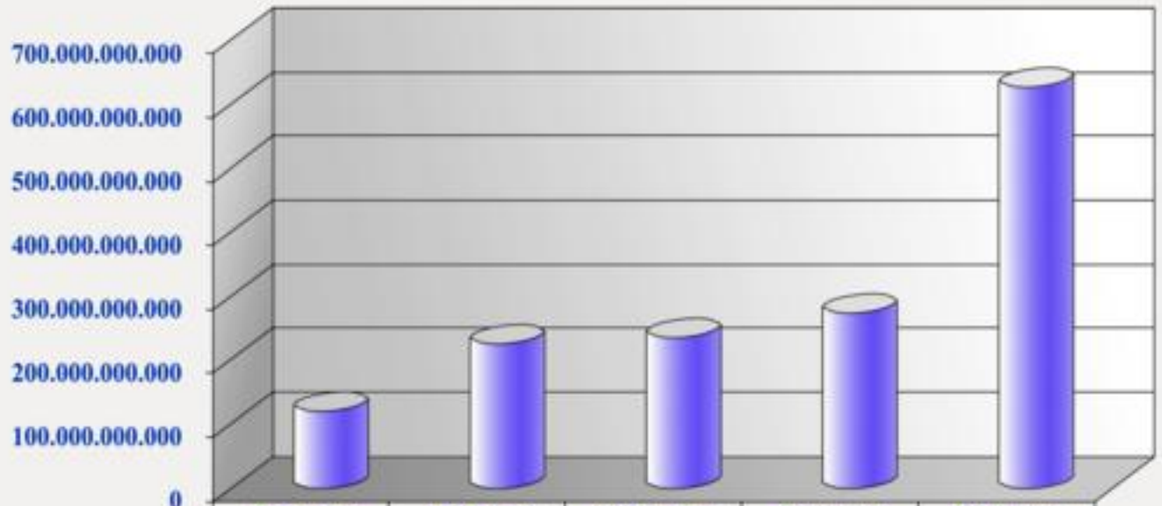

	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
DOANH THU	120.432.988.990	225.549.145.049	237.470.389.280	273.175.172.348	627.347.223.100

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN CỦA BCCE TỪ NĂM 2006 ĐẾN 2010

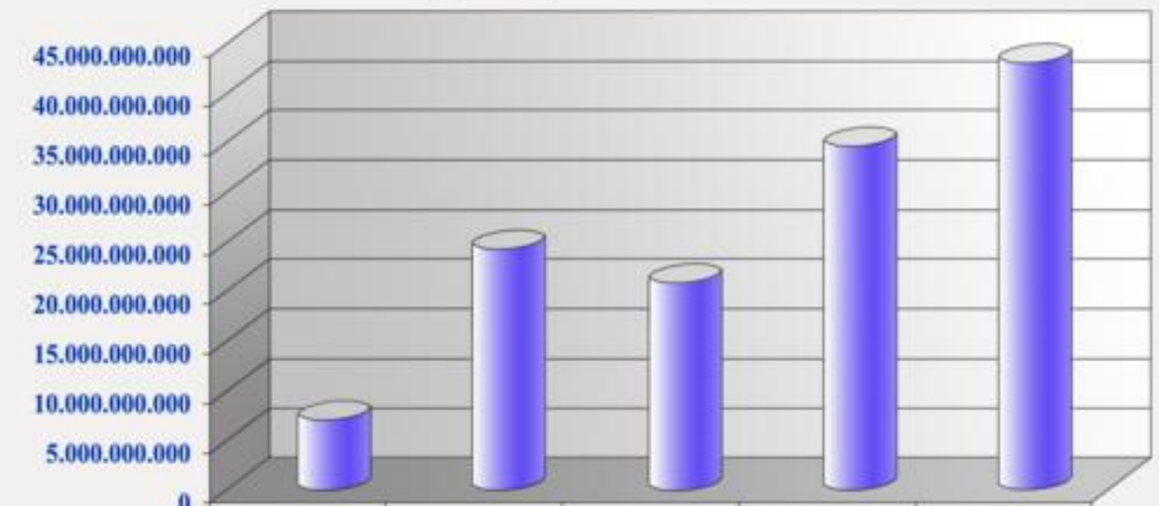

	NĂM 2006	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010
LỢI NHUẬN	6.931.145.980	24.245.515.564	20.919.021.919	34.626.289.033	43.040.151.380

4. Những tiến bộ công ty đã đạt được

✓ Công ty tuân thủ chặt chẽ về " Công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng " . Kiểm tra chặt chẽ từ nguyên vật liệu đầu vào, trong quá trình thi công, nghiệm thu nội bộ khi công trình hoàn thành, đến khi chủ đầu tư nghiệm thu và bàn giao sản phẩm. Vì vậy, các công trình công ty thi công đều đảm bảo tiến độ, chất lượng theo đúng hợp đồng đã ký kết.

✓ Thành lập các ban quản lý dự án tại các công trường, trực tiếp chỉ huy tại hiện trường, đôn đốc kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thanh quyết toán công trình.

✓ Tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn, công nợ nhằm tăng nhanh vòng quay vốn lưu động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

✓ Tăng cường mối quan hệ với các tổ chức tín dụng nhằm đa dạng hoá các kênh huy động vốn.

✓ Thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và các tổ chức xã hội, không có phát sinh nợ đọng thuế và bảo hiểm xã hội.

✓ Doanh thu và lợi nhuận từng năm tăng mạnh. Do công ty đã chủ động tối đa hóa doanh thu và hạn chế đến mức thấp nhất các chi phí quản lý.

✓ Tất cả các bộ phận của Công ty hoạt động điều có quy chế riêng và tuân thủ theo điều lệ hoạt động chung của Công ty cũng như pháp luật.

5. Kế hoạch năm 2011

✓ Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với quy mô và cơ chế hoạt động của Công ty.

✓ Cải tiến và nâng cao năng lực điều hành, cơ chế quản lý thi công xây dựng theo cơ chế khoán.

✓ Nâng cao năng lực đấu thầu và quản lý dự án

✓ Phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu nhằm đáp ứng nhu cầu của công ty : chính sách thu hút đãi ngộ lao động qua tiền lương, thưởng, điều kiện làm việc.

Trong năm 2011, sẽ thực hiện tiếp các công trình và dự án sau :

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	GIÁ TẠM TÍNH
I	**XÂY DỰNG**	**850.000.000.000**
1	BECAMEX TOWER (PHẦN HOÀN THIỆN)	50.000.000.000
2	CHUNG CƯ SUNRIES (PHẦN THÂN BLOCK C,D)	40.000.000.000
3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG	
	PHẦN CÒN LẠI GIAI ĐOẠN 1	45.000.000.000
	- BLOCK 9(13.320m2)	25.000.000.000
	- BLOCK 10 (15.104m2)	30.000.000.000
	- HỘI TRƯỜNG	25.000.000.000
4	BỆNH VIỆN QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG	40.000.000.000
5	TRUNG TÂM HÀNH CHÁNH TẬP TRUNG	220.000.000.000
6	NHÀ PHỐ THƯƠNG MẠI (KTX SINH VIÊN)	235.000.000.000
7	NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI (5320m2)	30.000.000.000
8	HẠ TẦNG VSIP 2 MỞ RỘNG	40.000.000.000
9	CÁC DỰ ÁN KHÁC	70.000.000.000
II	**DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN**	**150.000.000.000**
	GIAI ĐOẠN 1 (168 CĂN)	80.000.000.000
	PHỐ THƯƠNG MẠI RICH LAND	70.000.000.000
	TỔNG CỘNG	**1.000.000.000.000**

Theo trên dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 với các chỉ tiêu tài chính như sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	KH 2011	KH 2011 /TH 2010	
			Tuyệt đối	%
Tổng doanh thu (đồng)	627.347.223.100	1.000.000.000.000	372.652.776.900	159.40%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	57.385.738.793	95.000.000.000	37.614.261.207	165.55%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	43.040.151.380	71.250.000.000	28.209.848.620	165.55%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.152	2.375	223	110.36%

Biện pháp thực hiện:

✓ Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

✓ Tăng cường sự hợp tác với Tổng công ty và các Công ty thành viên khác trong cùng hệ thống Becamex nhằm phát huy tối đa năng lực đem lại kết quả tối ưu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **Căn hộ cao cấp New Horizon 16 tầng**
- Chủ đầu tư : Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC CORP.)
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : 230 Đại Lộ Bình Dương, Thị xã - Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

- Qui mô xây dựng : Tòa nhà gồm 1 tầng hầm, 1 tầng trệt và 15 tầng lầu.
- Tổng diện tích sàn xây dựng là 13.000m2.

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng xây dựng 76 tỷ đồng.
- Công trình hoàn thành ngày 30/04/2010.

CAO ỐC VĂN PHÒNG BECAMEX TOWER

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **Cao Ốc Văn Phòng Becamex Tower.**
- Chủ đầu tư : Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV Becamex IDC CORP.)
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao Thông Bình Dương (BCCE)
- Địa điểm xây dựng: 230 Đại Lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

Tòa nhà văn phòng Becamex Tower cao 23 tầng và 1 tầng hầm để xe. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 50.000 m2.

Diện tích sàn kinh doanh trên 30.000m2.

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Kinh phí đầu tư xây dựng dự kiến 426 tỷ đồng. (Đã xây dựng xong phần thô đang hoàn thiện, dự kiến hoàn thành tháng 5/2011.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **Tổ hợp căn hộ cao cấp SUNRISE.**
- Chủ đầu tư : Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC CORP.)
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCCE)
- Địa điểm xây dựng : 230 Đại Lộ Bình Dương , Thị xã Thủ Dầu Một , tỉnh Bình Dương.
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 57.735 m2
  + Qui mô Công trình: tầng hầm, tầng trệt, và 4 block căn hộ có chiều cao từ 15 đến 21 tầng.
  + Thời gian xây dựng dự kiến:

Tháng 07/2011, thi công xong phần khung block C, block D

Tháng 04/2012, thi công xong phần hoàn thiện

- Kinh phí xây dựng phần thân block C, D : 180 tỷ đồng

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **NHÀ PHỐ LIÊN KẾ 6 CĂN & 9 CĂN.**
- Chủ đầu tư : Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex IDC CORP.
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCCE)
- Địa điểm xây dựng: 230 Đại Lộ Bình Dương , Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG :

- Giá trị hợp đồng Nhà liên kế 6 căn - NP2 là 5 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng Nhà liên kế 6 căn - NP3 là 5 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng Nhà liên kế 9 căn là 7,5 tỷ đồng.

Vào ngày 7-7-2009, Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương khởi công xây dựng công trình Nhà phố liên kế 6 căn & 9 căn.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG**
- Chủ đầu tư : Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC CORP.)
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCCE)
- Địa điểm xây dựng : Khu liên hợp - Thành phố mới Bình Dương

Diện tích xây dựng :
+ Block 4+5: 8150m2
+ Block 8: 13.200m2
+ Block 11: 14.880m2
(Đã hoàn thành xong Block 4, 5, 8, 11)
+ Block 9: 13200m2
+ Block 10: 14880m2
(Đang hoàn thiện dự kiến tới 30/04/2011 hoàn thành)

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI LUCKY SQUARE**
- Chủ đầu tư : Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex IDC CORP.
- Đơn vị thi công : Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCCE)
- Địa điểm xây dựng : Thành phố mới Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

- Qui mô xây dựng : Nhà hàng gồm 1 tầng trệt và 1 lầu.
- Tổng diện tích sàn xây dựng là 4.500m2

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng 30 tỷ đồng.
- Công trình hoàn thành tháng 02/2011.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : Khu phố Thương mại Khu Liên Hợp-Lô A B C D.
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : Khu liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Đô thị mới Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

- Qui mô xây dựng : Gồm 168 căn phố thương mại được xây dựng thô bên trong, hoàn thiện bên ngoài gồm tầng trệt, tầng lửng, lầu 1, lầu 2 và sân thượng. có nơi để xe; tầng trệt được dùng để kinh doanh buôn bán, làm văn phòng ...
- Tổng diện tích sàn xây dựng là 73.646m2

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng 734.216.000.00 tỷ đồng.
- Công trình hoàn thành dự kiến tháng 05/2011.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : Ký Túc Xá - Lô E-F-G-H-I.
- Chủ đầu tư : Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV Becamex IDC Corp.)
- Đơn vị thi công : Công ty CP Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : Khu liên hợp - Thành phố mới Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

- Qui mô xây dựng : Gồm 240 căn phố thương mại được xây dựng thô bên trong, hoàn thiện bên ngoài gồm tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và sân thượng
- Tổng diện tích sàn xây dựng là 102.573m2

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng xây dựng: 335 tỷ đồng.
- Công trình hoàn thành dự kiến tháng 06/2011.

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **PHỐ THƯƠNG MẠI LIÊN KẾ RICH TOWN.**
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : Khu liên hợp - Thành phố mới Bình Dương.

KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

- Quy mô xây dựng: Gồm 234 căn phố thương mại được xây dựng thô bên trong, hoàn thiện bên ngoài gồm tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và sân thượng
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 82.402m2

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Kinh phí xây dựng dự kiến: 300 tỷ đồng
- Công trình hoàn thành dự kiến: tháng 09/2011.
- Tổng kinh phí đầu 1.140 tỷ đồng.

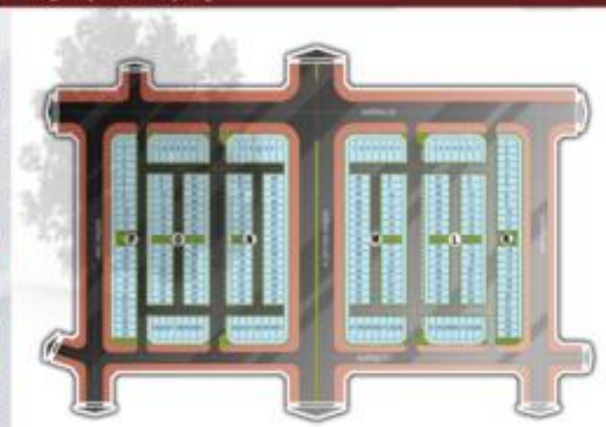

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU NĂM 2010

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **Trung Tâm Chính Trị Hành Chánh Tập Trung**.
- Chủ đầu tư : UBND Tỉnh Bình Dương
- Đơn vị thi công : Công ty CP Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : Thành phố mới Bình Dương.

B1 - Tòa nhà chính :

- Tổng diện tích sàn: 104.416m2
- Qui mô công trình: 2 tầng để xe và 20 tầng.
- Thời gian thực hiện: tháng 01/2011 đến 11/2012

B11 - Trung tâm hội nghị :

- Tổng diện tích sàn: 15.357.416m2
- Qui mô công trình: tầng trệt , 2 tầng lầu và mái.
- Thời gian thực hiện: tháng 01/2011 đến 01/2012

Tổng kinh phí dự kiến : 1.500 tỷ đồng

HẠ TẦNG KỸ THUẬT VSIP II

GIỚI THIỆU CHUNG

- Công trình : **HẠ TẦNG KỸ THUẬT , CẦU VSIP II**
- Chủ đầu tư : KCN Việt Nam - Singapore VSIP II
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCCE).
- Địa điểm xây dựng : KCN Việt Nam - Singapore VSIP II

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tổng kinh phí xây dựng dự kiến: 40 tỷ đồng
- Công trình hoàn thành dự kiến: tháng 02/2012.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần xây dựng & giao thông Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300039 ngày 25 tháng 2 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000.000.000 VND
Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng		
Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên)	102.794.350.000	51,40
Các cổ đông khác	97.205.650.000	48,60
Cộng	**200.000.000.000**	**100,00**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 01 Đường Lê Thị Trung, KP4, Phú Lợi, TX - Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 3 838 200
Fax : (84 – 650) 3 838 202
E-mail : bcco@hcm.vnn.vn
Mã số thuế: 3 7 0 0 4 0 8 9 9 2

Hoạt động chính của Công ty là:

- ✓ Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- ✓ San lấp mặt bằng;
- ✓ Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp;
- ✓ Sản xuất và lắp đặt cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng;
- ✓ Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;
- ✓ Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp;
- ✓ Đầu tư tài chính;
- ✓ Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng, kinh doanh bất động sản;
- ✓ Thi công công trình giao thông (cầu đường bộ);
- ✓ Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Thiết kế quy hoạch chi tiết;
- ✓ Lập dự án đầu tư;
- ✓ Thiết kế các công trình điện trung, hạ thế và biến áp từ 325KV trở xuống;
- ✓ Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp Theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 131/2010/GCNCP-VSD ngày 11 tháng 06 năm 2010 và nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 116/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã : BCE) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Doanh thu năm nay tăng 340.855.217.453 VND tương đương 149,24% so với năm trước chủ yếu là do doanh thu hoạt động xây dựng tăng và phát sinh thêm doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	4.850.959.500 VND
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (2% lợi nhuận sau thuế)	692.525.781 VND
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế)	1.731.314.452 VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (6% lợi nhuận sau thuế)	2.077.577.342 VND
- Chia cổ tức cho cổ đông	6.000.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức 2010	30.000.000.000 VND
- Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	346.000.000 VND
Cộng:	**45.698.377.075 VND**

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 01 năm 2011, Công ty đã phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu , mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Văn Minh	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Nguyễn Kim Tiên	Thành viên	27 tháng 04 năm 2007	-
Ông Lê Tuấn Dũ	Thành viên	25 tháng 02 năm 2002	-
Bà Hồ Minh Diễm Thúy	Thành viên	25 tháng 02 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	27 tháng 04 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quán Văn Viết Cương	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Bà Phạm Viết Yên	Thành viên	27 tháng 04 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám Đốc	12 tháng 12 năm 2002	-
Ông Lê Phan Minh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 01 năm 2006	-
Ông Lý Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2011

BAKER TILLY A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0109/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 19 tháng 01 năm 2011, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam . Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**383,037,022,485**	**334,307,248,897**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**31,755,005,299**	**72,015,976,753**
1.	Tiền	111		13,755,005,299	8,015,976,753
2.	Các khoản tương đương tiền	112		18,000,000,000	64,000,000,000
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**80,371,252,605**	**47,748,359,402**
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	54,767,897,553	41,727,852,185
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	19,814,674,338	154,159,423
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	5,788,680,714	5,866,347,794
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**270,054,930,252**	**214,223,257,151**
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	270,054,930,252	214,223,257,151
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**855,834,329**	**319,655,591**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	319,655,591
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		855,834,329	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp Theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**52,217,333,280**	**56,060,297,983**
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**27,864,655,942**	**31,922,489,420**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	22,710,795,144	26,656,384,834
	Nguyên giá	222		38,029,054,129	36,858,751,299
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15,318,258,985)	(10,202,366,465)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7	5,153,860,798	5,266,104,586
	Nguyên giá	228		5,596,577,811	5,596,577,811
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442,717,013)	(330,473,225)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**2,000,000,000**	**2,000,000,000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	2,000,000,000	2,000,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**22,352,677,338**	**22,137,808,563**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	18,919,042,149	21,821,313,563
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	2,804,300,189	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.11	629,335,000	316,495,000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**435,254,355,765**	**390,367,546,880**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**206,837,901,655**	**166,567,948,608**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**206,814,324,836**	**166,530,570,789**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	29,767,390,893	-
2.	Phải trả người bán	312	V.13	85,288,134,664	105,230,383,831
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.14	41,495,963,550	42,090,334,774
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	10,466,086,431	8,360,466,412
5.	Phải trả người lao động	315	V.16	4,642,115,939	2,545,416,252
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	11,217,200,753	203,733,333
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	20,453,937,908	2,420,400,635
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.19	1,691,421,045	4,351,000,241
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	1,792,073,653	1,328,835,311
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ 327			-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**23,576,819**	**37,377,819**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		23,576,819	37,377,819
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**228,416,454,110**	**223,799,598,272**
I.	Vốn chủ sở hữu	410		228,416,454,110	223,799,598,272
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	200,000,000,000	200,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.21	3,989,546,526	2,258,232,074
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	8,459,191,574	3,608,232,074
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	1,945,434,435	1,252,626,854
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	14,022,281,575	16,680,507,270
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**435,254,355,765**	**390,367,546,880**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp Theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2011

Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Thị Ngâu	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	627,678,606,736	275,831,625,076
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	331,383,636	2,656,452,728
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	627,347,223,100	273,175,172,348
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	569,244,046,051	228,388,828,598
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58,103,177,049	44,786,343,750
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,938,628,804	1,404,383,429
7.	Chi phí tài chính	22		472,137,818	714,999,997
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		472,137,818	714,999,997
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6,547,108,939	6,509,017,979
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,022,559,096	38,966,709,203
11.	Thu nhập khác	31	VI.5	4,410,281,439	3,039,587,589
12.	Chi phí khác	32	VI.6	47,101,742	100,835,979
13.	Lợi nhuận khác	40		4,363,179,697	2,938,751,610
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57,385,738,793	41,905,460,813
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	17,149,887,602	7,279,171,780
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	(2,804,300,189)	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43,040,151,380	34,626,289,033
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	2,152	3,488

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2011

Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Thị Ngâu	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) **Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		57,385,738,793	41,905,460,813
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.6, V.7	5,252,771,224	4,707,921,616
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(1,577,821,386)	(361,396,823)
-	Chi phí lãi vay	06		472,137,818	714,999,997
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61,532,826,449	46,966,985,603
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33,459,227,532)	(7,565,316,114)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(55,831,673,101)	(120,350,788,095)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12,470,748,256)	103,749,040,343
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,221,927,005	(21,642,111,601)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(311,065,072)	(714,999,997)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(13,476,783,230)	(2,580,208,048)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,273,179,000)	(624,450,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53,067,922,737)	(2,761,847,909)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6	(1,241,731,401)	(9,591,190,558)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	48,571,429	52,380,952
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	1,556,543,612	360,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		363,383,640	(9,178,809,606)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	101,280,000,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	29,767,390,893	50,000,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(50,000,000,000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(17,323,823,250)	(23,500,821,720)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**12,443,567,643**	**77,779,178,280**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(40,260,971,454)**	**65,838,520,765**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**72,015,976,753**	**6,177,455,988**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**31,755,005,299**	**72,015,976,753**

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2011

Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Thị Ngâu	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thi công công trình giao thông.

4. Nhân viên : Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 252 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 202 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính :

Trong năm, Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 131/2010/GCNCP-VSD ngày 11 tháng 6 năm 2010 và nhận được Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 116/QĐ-SGDHCM ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty (mã : BCE) chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Doanh thu năm nay tăng 340.855.217.453 VND tương đương 149,24 % so với năm trước chủ yếu là do doanh thu hoạt động xây dựng tăng và phát sinh thêm doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn,chứng từ

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hưu hình .được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế .được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quy dự phòng trợ mất việc làm là 3 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm/kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

• Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

• Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

• Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

• Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	136.462.642	240.371.972
Tiền gửi ngân hàng	13.618.542.657	7.775.604.781
Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	64.000.000.000
Cộng	**31.755.005.299**	**72.015.976.753**

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty thương mại đầu tư và phát triển	24.796.243.123	7.392.968.423
Công ty TNHH SPG Vina	3.716.680.000	3.805.669.195
Công ty TNHH SEEBERGER Việt Nam	3.283.573.450	3.283.573.450
Các khách hàng khác	22.971.400.980	27.245.641.117
Cộng	**54.767.897.553**	**41.727.852.185**

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho tiền vật tư và dịch vụ khác	4.818.933.330	59.800.425
Trả trước cho các nhà thầu phụ	14.995.741.008	94.358.998
Cộng	**19.814.674.338**	**154.159.423**

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.515.657	-
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	281.949.567	107.132.476
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.500.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2% (khoản ứng trước của hoạt động kinh doanh bất động sản)	-	392.181.818
Tiền đất còn phải thu lại khách hàng do đã ứng trước cho Tổng công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên	5.404.764.400	5.081.817.400
Các khoản phải thu khác	36.951.090	285.216.100
Cộng	**5.788.680.714**	**5.866.347.794**

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	189.204.286
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	270.054.930.252	214.034.052.865
Cộng	**270.054.930.252**	**214.223.257.151**

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.377.432.013	9.687.497.679	17.328.850.486	1.916.579.569	548.391.552	36.858.751.299
Mua sắm mới	-	565.695.455	-	178.054.544	497.981.402	1.241.731.401
Thanh lý, nhượng bán	-	(71.428.571)	-	-	-	(71.428.571)
Số cuối năm	**7.377.432.013**	**10.181.764.563**	**17.328.850.486**	**2.094.634.113**	**1.046.372.954**	**38.029.054.129**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	224.950.952	818.605.645	643.753.128	528.391.552	2.024.063.036
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	929.505.089	1.786.353.259	5.909.884.602	1.045.315.294	531.308.221	10.202.366.465
Khấu hao trong năm	446.283.720	1.695.069.734	2.677.277.159	285.772.980	36.123.843	5.140.527.436
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.634.916)	-	-	-	(24.634.916)
Số cuối năm	**1.375.788.809**	**3.456.788.077**	**8.587.161.761**	**1.331.088.274**	**567.432.064**	**15.318.258.985**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.447.926.924	7.901.144.420	11.418.965.884	871.264.275	17.083.331	26.656.384.834
Số cuối năm	**6.001.643.204**	**6.724.976.486**	**8.741.688.725**	**763.545.839**	**478.940.890**	**22.710.795.144**
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.499.945.811	96.632.000	5.596.577.811
Số cuối năm	**5.499.945.811**	**96.632.000**	**5.596.577.811**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	96.632.000	96.632.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	233.841.225	96.632.000	330.473.225
Khấu hao trong năm	112.243.788	-	112.243.788
Số cuối năm	**346.085.013**	**96.632.000**	**442.717.013**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.266.104.586	-	5.266.104.586
Số cuối năm	**5.153.860.798**	**-**	**5.153.860.798**
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

8. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Bình Dương có vốn điều lệ 70.000.000.000VND, tỷ lệ góp vốn là 2,86%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

9.Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất (*)	4.493.440.938	-	(99.669.672)	4.393.771.266
Công cụ, dụng cụ	17.327.872.625	4.361.289.821	(7.163.891.563)	14.525.270.883
Cộng	21.821.313.563	4.361.289.821	(7.263.561.235)	18.919.042.149

(*) Tiền thuê đất trả trước cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH Một Thành Viên từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 01 năm 2055.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

11. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Ký quỹ sử dụng điện cho công trình nhà ở công nhân Bàu Bàng	10.000.000	10.000.000
- Ký quỹ 10% giá trị nhà đã bán cho Chi nhánh Ngân hàng liên doanh VID Public Bình Dương	306.495.000	306.495.000
- Ký quỹ giai đoạn 1 thi công thành phố mới Bình Dương	312.840.000	-
Cộng	**629.335.000**	**316.495.000**

12. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng việc cầm cố số dư tiền gửi của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (Becamex IDC Corp).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:	
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	29.767.390.893
Số cuối năm	**29.767.390.893**

13. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền vật tư và dịch vụ khác	62.200.156.022	94.009.513.791
Phải trả các nhà thầu phụ	23.087.978.642	11.220.870.040
Cộng	**85.288.134.664**	**105.230.383.831**

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền thi công công trình	727.781.729	21.661.243.863
Khách hàng ứng trước tiền mua căn hộ	40.768.181.821	20.429.090.911
Cộng	**41.495.963.550**	**42.090.334.774**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.338.020.133	12.471.152.339	(13.809.172.472)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.904.542.987	16.753.756.647	(13.476.783.230)	10.181.516.404
Thuế thu nhập cá nhân	117.903.292	31.269.570	(464.602.835)	284.570.027
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	8.360.466.412	29.859.178.556	(27.753.558.537)	10.466.086.431

(*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	17.145.938.465
- Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính 2% doanh thu của hoạt động kinh doanh bất động sản năm trước	(392.181.818)
Cộng	**16.753.756.647**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.385.738.793	41.905.460.813
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	11.217.200.753	49.806.500
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.389.138)	(360.000.000)
Thu nhập chịu thuế	68.599.550.408	41.595.267.313
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	**17.149.887.602**	**10.398.816.828**
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	**-**	**(3.119.645.048)**
Điều chỉnh thuế thu nhập DN phải nộp của các năm trước	**(3.949.137)**	**-**
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**17.145.938.465**	**7.279.171.780**
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		

16. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 phải trả công nhân viên.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	11.056.128.007	198.833.333
Chi phí lãi vay	161.072.746	-
Chi phí khác	-	4.900.000
Cộng	**11.217.200.753**	**203.733.333**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	155.517.868	194.599.557
Bảo hiểm xã hội	-	62.397.790
Cổ tức phải trả	19.163.214.750	487.038.000
Bảo hành 5% giữ lại phải trả các nhà thầu	1.127.054.954	1.670.130.687
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.150.336	6.234.601
Cộng	**20.453.937.908**	**2.420.400.635**

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	4.351.000.241
Tăng do trích lập	1.709.922.470
Số đã sử dụng	(155.235.791)
Số hoàn nhập	(4.214.265.875)
Số cuối năm	**1.691.421.045**

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.325.687.918	1.869.819.608	(1.434.889.000)	1.760.618.526
Quỹ phúc lợi	3.147.393	207.757.734	(179.450.000)	31.455.127
Cộng	**1.328.835.311**	**2.077.577.342**	**(1.614.339.000)**	**1.792.073.653**

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm trang 30.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:	
Trả cổ tức năm trước	6.487.038.000
Tạm ứng cổ tức	10.836.785.250
Cộng	**17.323.823.250**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: **10.000 VND.**

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoại dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng phúc lợi dùng để khen thưởng, nâng cao đời sống tinh thần của người lao động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	627.678.606.736	275.831.625.076
- Doanh thu bán hàng hóa	2.246.666.546	177.017.909
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	65.822.727.280	-
- Doanh thu hoạt động xây dựng	559.609.212.910	275.654.607.167
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(331.383.636)	(2.656.452.728)
- Giảm giá hàng bán	-	(2.341.985.455)
- Hàng bán bị trả lại	(331.383.636)	(314.467.273)
Doanh thu thuần	**627.347.223.100**	**273.175.172.348**
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.150.708.740	177.017.909
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	68.853.616.731	-
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	555.342.897.629	272.998.154.439

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.900.593.451	146.636.000
Giá vốn kinh doanh bất động sản	55.949.318.188	-
Giá vốn của hoạt động xây dựng	511.394.134.412	228.242.192.598
Cộng	**569.244.046.051**	**228.388.828.598**

(*) Giá vốn kinh doanh bất động sản và hoạt động xây dựng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	324.592.423.442	234.336.556.474
Chi nhân công trực tiếp	36.160.667.946	24.536.911.067
Chi phí sử dụng máy thi công	6.739.530.765	2.351.323.226
Chi phí sản xuất chung	255.871.707.834	87.282.795.772
Tổng chi phí sản xuất	623.644.818.438	348.507.586.539
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(56.020.877.387)	(120.265.393.941)
Giá vốn kinh doanh bất động sản và hoạt động xây dựng	**567.343.452.600**	**228.242.192.598**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.576.043.612	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	362.585.192	368.133.295
Cổ tức được chia	-	360.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	676.250.134
Cộng	**1.938.628.804**	**1.404.383.429**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.470.333.661	3.555.158.409
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	129.612.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.973.236	194.813.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.916.508	471.705.001
Chi phí khác	1.666.885.534	2.157.728.223
Cộng	6.547.108.939	6.509.017.979

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	48.571.429	52.380.952
Xử lý công nợ	-	462.221.527
Hoàn nhập dự phòng nợ phải trả	4.214.265.875	2.347.487.499
Thu từ việc phạt vi phạm hợp đồng	-	175.152.230
Các khoản thu nhập khác	147.444.135	2.345.381
Cộng	**4.410.281.439**	**3.039.587.589**

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	46.793.655	50.984.129
Phí dịch vụ pháp lý	-	49.406.500
Các khoản chi phí khác	308.087	445.350
Cộng	47.101.742	100.835.979

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.040.151.380	34.626.289.033
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.040.151.380	34.626.289.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	20.000.000	9.927.496
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.152**	**3.488**

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	9.872.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	55.496
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**20.000.000**	**9.927.496**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	333.605.444.833	224.545.370.454
Chi phí nhân công	59.726.175.852	43.046.764.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.252.771.224	4.707.921.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.487.730.223	59.394.281.982
Chi phí khác	8.663.852.936	9.897.995.991
Cộng	**630.735.975.068**	**341.592.334.518**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 01 năm 2011, Công ty đã phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000VND/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.174.800.000	800.751.667
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	13.204.954	9.247.840
Tiền thưởng	210.000.000	62.000.000
Cộng	**1.398.004.954**	**871.999.507**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện phần vốn nhà nước
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên		
Xây dựng công trình	545.032.652.451	223.483.674.829
Trả tiền thuê đất	60.000.000	5.295.149.396
Phí quản lý	-	352.859.880
Phí xử lý nước thải	10.018.866	21.338.849
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	18.639.060.175	33.575.210.741
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua cống, bê tông nhựa nóng	3.312.490.345	652.265.017
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Mua bê tông tươi	73.362.018.000	44.888.163.500
Phí vận chuyển	274.032.108	-
Thử mẫu bê tông	48.560.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Mua nguyên vật liệu	12.691.266.400	1.929.002.848
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương		
Giới thiệu thông tin	232.000.000	-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	692.751.224	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên		
Trả trước tiền mua đất	5.578.370.732	5.619.711.489
Phải thu tiền xây dựng công trình	24.796.243.123	7.392.968.423
Cộng nợ phải thu	30.374.613.855	13.012.679.912
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.382.780.065	15.243.719.890
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	13.858.246.808	30.209.636.700

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Mua cống, bê tông nhựa nóng	191.180.000	17.556.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	3.720.269.248	1.029.002.848
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương		
Giới thiệu thông tin	232.000.000	-
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex		
Mua nguyên vật liệu	392.751.224	-
Cộng nợ phải trả	**20.777.227.345**	**52.239.934.563**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010 (Tiếp Theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Ngoài ra, Tổng công ty Đầu tư và Phát triển TNHH Một Thành Viên còn bảo lãnh các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương bằng việc cầm cố số dư tiền gửi của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển - TNHH Một Thành Viên (Becamex IDC Corp).

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực hàng hóa: vật liệu, nội thất.
- Lĩnh vực bất động sản: các công trình nhà ở.
- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng các công trình giao thông, xây lắp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực miền nam Việt Nam.

4. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Các sai sót

Trong năm, thực hiện điều chỉnh số dư đầu năm của chỉ tiêu "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" sang "Vốn khác của chủ sở hữu".

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	2.258.232.074	2.258.232.074
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	2.258.232.074	(2.258.232.074)	-

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2011

Hồ Minh Diễm Thúy	**Nguyễn Thị Ngâu**	**Nguyễn Kim Tiên**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức, công ty : không có

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức, công ty nắm giữ đến ngày 31/12/2010:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	**Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp)**	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	10.279.435	51.40%

Đến ngày 14/01/2011 tăng vốn giai đoạn hai.

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	**Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC Corp)**	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	15.547.258	51.82%

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản

Đơn vị tham gia góp vốn cổ phần (là cổ đông sáng lập).

Vốn điều lệ : 70 tỷ.

Tỷ lệ tham gia : 2,86% vốn điều lệ tương đương 2 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh : Chuyên kinh doanh bất động sản; môi giới mua bán bất động sản; kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

Địa chỉ liên hệ : Lô ND28, đường DA1-2, khu tái định cư Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

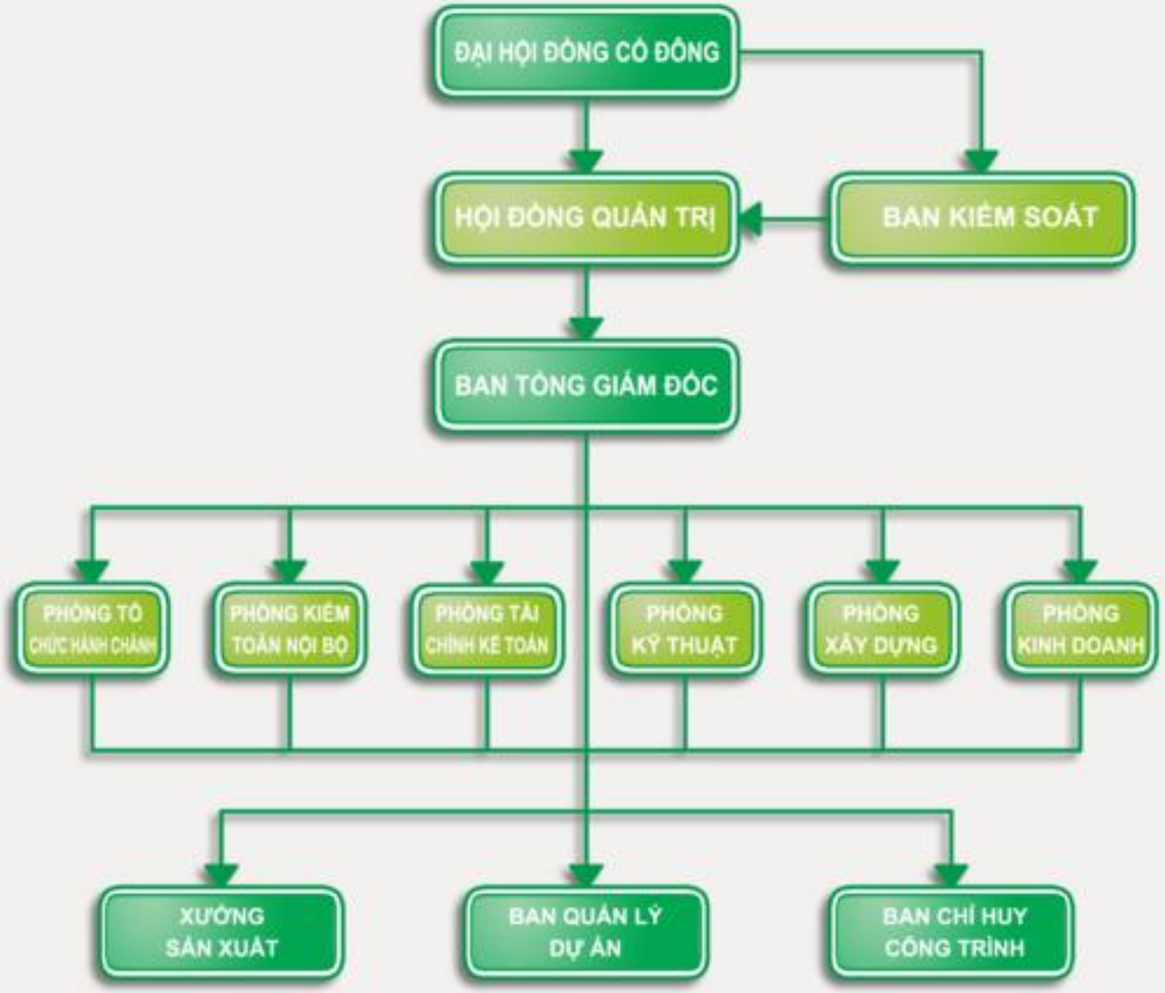

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN KIM TIÊN
Tổng Giám Đốc

☑ Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc công ty

Ngày sinh : 08/12/1967

Nơi sinh : Bình Dương

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Tôn giáo : Không

Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng

Quá trình công tác :

+ 1992 - 1993 : Công tác tại Công ty Kinh doanh nhà Gia Định.

+ 1993 - 1997 : Công tác tại Công ty Xây dựng Miền Đông.

+ 1997 - 2002 : Công tác tại Công ty XNK Becamex

+ 2002 - 2011 : Công tác tại Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương

Số cổ phần đang nắm giữ : mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 238.045 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Ông LÊ PHAN MINH VŨ
Phó Tổng Giám Đốc

☑ Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám Đốc công ty

Ngày sinh : 08/06/1976

Nơi sinh : Bình Dương

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Tôn giáo : Không

Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng

Quá trình công tác :

+ 1997 - 2000 : Công tác tại Công ty Xây dựng & Trang trí nội thất Hoà Bình

+ 2000 - 2002 : Công tác tại Công ty XNK Becamex.

+ 2003 - 2011 : Công tác tại Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương

Số cổ phần đang nắm giữ : mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó :

+ Sở hữu cá nhân : 365.020 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Ông LÝ TÁN TRÍ
Phó Tổng Giám Đốc

☑ Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám Đốc công ty
Ngày sinh : 16/08/1966
Nơi sinh : Bình Dương
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Tôn giáo : Không
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
Quá trình công tác :
+ 1992 - 2004 : Công tác tại Công ty Xây dựng Tp HCM
+ 2004 - 2011 : Công tác tại Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương
Số cổ phần đang nắm giữ : mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó :
+ Sở hữu cá nhân : 146.887 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Ông LÊ VĂN CỌP
Phó Tổng Giám Đốc

☑ Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám Đốc công ty
Ngày sinh : 22/10/1957
Nơi sinh : Long An
Quốc tịch : Việt nam
Dân tộc : Kinh
Tôn giáo : Không
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
Quá trình công tác :
+ 1981 - 1994 : Công tác tại Công ty Tư Vấn Xây dựng Tổng Hợp NAGECCO
+ 1995 - 2005 : Công tác tại Công ty Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp
+ 2005 - 2006 : Công tác tại Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận
+ 2007 - 2011 : Công tác tại Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương
Số cổ phần đang nắm giữ : mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó :
+ Sở hữu cá nhân : 26.700 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- **Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm:** không thay đổi

- **Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:** Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc và các quyền lợi khác :

  ✓ Tiền lương của Ban Tổng giám đốc: 70.000.000 đồng/tháng. Trong đó:

  - Tổng Giám Đốc : 30.000.000 đ/ tháng.
  - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh : 20.000.000 đ/tháng.
  - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kỹ thuật : 20.000.000 đ/tháng.

  ✓ Tổng tiền lương Ban Tổng Giám đốc cả năm 2010 : 1.174.800.000 đồng.

  ✓ Tổng tiền thưởng : 210.000.000 đồng.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

  ✓ Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm 2010: 276 người

  ✓ Thu nhập bình quân: 6.500.000 đồng/ người/ tháng

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng thành viên /Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:** không thay đổi.

Hội đồng quản trị / Chủ tịch và Ban kiểm soát / Kiểm soát viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành Công ty	Ghi chú
1.	Đỗ Văn Minh	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Kim Tiên	Phó chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc	
3.	Lê Tuấn Dũ	Thành viên HĐQT	Không	
4.	Hồ Minh Diễm Thuỷ	Thành viên HĐQT	Không	
5.	Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên HĐQT	Không	
6.	Dương Thị Hồng Tỵ	Trưởng ban kiểm soát	Không	
7.	Quản Văn Viết Cương	Thành viên BKS	Không	
8.	Phạm Viết Yên	Thành viên BKS	Không	

Hoạt động của HĐQT trong năm 2010:

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã họp 6 phiên, 1 số nội dung chính được thảo luận và quyết định như sau:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung
Phiên 1 Ngày 01/03/2010	5/5	- Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2009 - Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2009. - Kế hoạch tổ chức Đại Hội Cổ Đông năm 2010.
Phiên 2 Ngày 22/04/2010	5/5	- Thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2010. - Thông qua kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2010 .
Phiên 3 Ngày 27/04/2010	5/5	- Thông qua kế hoạch chia cổ tức đợt 2 năm 2009. - Thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao Dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE).
Phiên 4 Ngày 17/07/010	5/5	- Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2010. - Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2010. - Thông qua kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2010.
Phiên 5 Ngày 25/10/2010	5/5	- Thông qua Báo cáo tài chính Quý III năm 2010. - Thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2010. - Thông qua Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2010. - Ước thực hiện cả năm 2010. - Thông qua kế hoạch triển khai Dự án Nhà Phố Liên Kế (Rich Land). - Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2010. - Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu giai đoạn 2
Phiên 6 Ngày 09/11/2010	5/5	- Thông qua số lượng cổ phiếu chào bán và danh sách cán bộ công nhân viên được quyền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty giai đoạn 2 (năm 2010).
Phiên 7 Ngày 18/02/2011	5/5	- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2010. - Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011. - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2010. - Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu giai đoạn 2. - Thông qua quyết định bổ nhiệm cán bộ.

Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị năm 2010:

- Nghị Quyết số 01/2010/NQ-HĐQT ngày 01/03/2010 về việc: "Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2009; Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2009 ; Kế hoạch tổ chức Đại Hội Cổ Đông năm 2010.

- Nghị Quyết số 02/2010/NQ-HĐQT ngày 22/04/2010 về việc : "Thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2010; Thông qua kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2010 .

- Nghị Quyết số 03/2010/NQ-HĐQT ngày 27/04/2010 về việc: "Thông qua kế hoạch chia cổ tức đợt 2 năm 2009; Thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE).

- Nghị Quyết số 04/2010/NQ-HĐQT ngày 17/07/2010 về việc: "Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2010; Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2010; Thông qua kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2010.

- Nghị Quyết số 05/2010/NQ-HĐQT ngày 25/10/2010 về việc: " Thông qua Báo cáo tài chính Quý III năm 2010 ; Thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2010 ; Thông qua Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2010 ; Ước thực hiện cả năm 2010 ; Thông qua kế hoạch triển khai Dự án Nhà Phố Liên Kế (Rich Town) ; Thông qua tạm ứng cổ tức năm 2010 ; Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu giai đoạn 2

- Nghị Quyết số 06/2010/NQ-HĐQT ngày 09/11/2010 về việc: "Thông qua số lượng cổ phiếu chào bán và danh sách cán bộ công nhân viên được quyền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty giai đoạn 2 (năm 2010)".

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐQT ngày 18/02/2011 về việc: " Thông qua kết quả kinh doanh năm 2010, Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011, Thông qua Báo cáo tài chính năm 2010, Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu giai đoạn 2, Thông qua quyết định bổ nhiệm cán bộ".

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị và điều hành thông qua việc phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực kiểm soát, điều hành và giám sát các hoạt động của Công ty.

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2010, thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010 trước khi trình Đại hội đồng cổ đông năm 2011.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Triển khai chương trình cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo kế hoạch chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ nhằm vạch ra các chủ trương đúng đắn cho Công ty hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đến từng các Phó Tổng giám đốc, Trưởng - Phó phòng ban.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được chuyển cho Ban kiểm soát để theo dõi, giám soát việc thực hiện.

Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS : 1% Lợi nhuận sau thuế : (430.401.513 đ).

Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty: 8 người.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến ngày 31/12/2010:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu		Lý do thay đổi
			Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1.	Đỗ Văn Minh (*)	Chủ tịch HĐQT	10.316.907	10.316.907	
2	Nguyễn Kim Tiên	Phó chủ tịch HĐQT	90.711	100.711	
3.	Lê Tuấn Dũ	Thành viên HĐQT	239.992	239.992	
4.	Hồ Minh Diễm Thuý	Thành viên HĐQT	57.500	57.500	- Mua đầu tư
5.	Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên HĐQT	577.830	577.830	
6.	Dương Thị Hồng Tỵ	Trưởng ban kiểm soát	60.327	60.327	
7.	Quản Văn Viết Cương	Thành viên BKS	7.500	7.500	
8.	Phạm Viết Yên	Thành viên BKS	31.000	31.000	

(*) ĐỖ VĂN MINH:

- Đại diện số cổ phần sở hữu nhà nước **(Tổng Công ty Đầu Tư & Phát Triển Công Nghiệp - TNHH Một Thành Viên): 10.279.435 cổ phần.**

- Sở hữu cá nhân: **37.472 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT đến ngày 14/01/2011 – Tăng vốn giai đoạn 2:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	
			Đầu kỳ	Cuối kỳ
1.	Đỗ Văn Minh (*)	Chủ tịch HĐQT	10.316.907	15.614.341
2	Nguyễn Kim Tiên	Phó chủ tịch HĐQT	90.711	238.045
3.	Lê Tuấn Dũ	Thành viên HĐQT	239.992	358.788
4.	Hồ Minh Diễm Thuý	Thành viên HĐQT	57.500	63.500
5.	Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên HĐQT	577.830	862.252
6.	Dương Thị Hồng Tỵ	Trưởng ban kiểm soát	60.327	94.680
7.	Quán Văn Viết Cương	Thành viên BKS	7.500	17.250
8.	Phạm Viết Yên	Thành viên BKS	31.000	36.000

(*) ĐỖ VĂN MINH:

- Đại diện số cổ phần sở hữu nhà nước **(Tổng Công ty Đầu Tư & Phát Triển TNHH Một Thành Viên): 15.547.258 cổ phần.**
- Sở hữu cá nhân: **67.083 cổ phần.**

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

2. 1 Cổ đông góp vốn Nhà nước:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nhà nước:

STT	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP -TNHH MTV	
1	Địa chỉ	230 Đại Lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
2	Vốn điều lệ	2.143.000.000.000 VNĐ
3	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Mã số doanh nghiệp :3700145020 Đăng ký lần đầu ngày 03/06/2010 (Được chuyển đổi từ Công ty Đầu Tư & Phát Triển Công Nghiệp)
4	Ngành nghề kinh doanh	Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng ; Khai thác, chế biến khoáng sản , sản xuất & kinh doanh vật liệu xây dựng, các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Đầu tư xây dựng & kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Tư vấn và lập kế hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng hợp dự toán lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức BOT; Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng. Thiết kế, thẩm tra và giám sát các công trình điện năng từ 35KV trở xuống; Quản lý dự án và giám sát thi công công trình. Sản xuất, chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thuỷ, hải sản. Hàng tiêu dùng; sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, may mặc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng; Sản xuất và mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, vật tư, dụng cụ y tế và mỹ phẩm; Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và kê khai hải quan; Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước. Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.
5	Tỷ lệ vốn góp	**51.40% đến ngày 31/12/2010**
6	Tỷ lệ vốn góp	**51.82% đến ngày 14/01/2011**

2.2 Cổ đông góp vốn sáng lập

Cổ đông góp vốn sáng lập đến ngày 31/12/2010

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
1	Vốn nhà nước: Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC. Corp) Đại diện : Ông **Đỗ Văn Minh**	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	10.279.435	51,40%
2	Lê Tuấn Dũ	89/1B Ấp Đông Thành, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, tỉnh BD	280455063	229.992	1,15%
3	Nguyễn Thị Bửu	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	280118253	33.750	0,17%
4	Hồ Minh Diễn Thúy	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	280617986	57.500	0,29%
5	Hồ Minh Diễm Kiều	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	280617987	22.500	0,11%
6	Trần Thị Phết	54/9 Lê Thị Trung, KP4, Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	280229916	47.652	0,24%
7	Lê Thị Thanh Xuân	K1/A, tổ 13, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	280007395	42.500	0,21%
8	Đoàn Thị Kiều Oanh	11/4 khu 1, ấp Hịa An, xã Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	280658625	41.679	0,21%
9	Kiều Oanh	Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	280617985	26.208	0,13%
10	Lê Thị Diệu Thanh	1/57 tổ 2, Khu phố 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	280776221	577.830	2,89%
	Tổng cộng			**11.359.046**	**56,80%**

Cổ đông góp vốn sáng lập đến ngày 14/01/2011 - Tăng vốn giai đoạn 2

Stt	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng cổ phiếu	Tỷ trọng
1	Vốn nhà nước: Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex IDC. Corp) Đại diện : Ông **Đỗ Văn Minh**	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	3700145020	15.547.258	51,82%
2	Lê Tuấn Dũ	89/1B Ấp Đông Thành, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, tỉnh BD	280455063	358.788	1,20%
3	Nguyễn Thị Bửu	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	280118253	33.750	0,11%
4	Hồ Minh Diễn Thúy	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	280617986	63.500	0,21%
5	Hồ Minh Diễm Kiều	Khu 4 thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	280617987	22.500	0,08%
6	Trần Thị Phết	54/9 Lê Thị Trung, KP4, Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	280229916	70.048	0,23%
7	Lê Thị Thanh Xuân	K1/A, tổ 13, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	280007395	67.475	0,22%
8	Đoàn Thị Kiều Oanh	11/4 khu 1, ấp Hịa An, xã Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	280658625	61.368	0,20%
9	Kiều Oanh	Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	280617985	862.252	2,87%
10	Lê Thị Diệu Thanh	1/57 tổ 2, Khu phố 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	280776221	577.830	2,89%
	Tổng cộng			**17.086.839**	**56,96%**

2.3 Cổ đông góp vốn nước ngoài:

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn nước ngoài đến ngày 30/12/2010

Stt	Tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc Tịch	Số CP sở hữu	
					Đầu kỳ	Cuối kỳ
1.	Bùi Minh Tuấn	ISO640	109/12 Nguyễn Thượng Hiền, P5, Bình Thạnh, Tp.HCM	Australia		12.850
2.	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Tokio, Japan	Japan		200
3.	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 Chuorinkan Yamatoshi, Japan	Japan		100
4.	Asiavantage Global Limited	CS3737	D0011 CC Phạm Viết Chánh, P19, Bình Thành, Tp.HCM	Bristish	754.195	5
5	New-S Securities Co.Ltd	Cs9483	EBISU BLDG, 11-10,3-CHOME, Tokio, Japan	Japan		500
	CỘNG					**13.655**

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn nước ngoài đến ngày 14/01/2011-Tăng vốn giai đoạn 2

Stt	Tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc Tịch	Số CP sở hữu	
					SL CP	%
1.	Bùi Minh Tuấn	ISO640	109/12 Nguyễn Thượng Hiền, P5, Bình Thạnh, Tp.HCM	Australia	18.889	0,063%
2.	Sato Mitsuo	IA2154	4-3-11-404 Roppongi, Tokio, Japan	Japan	200	0,0007%
3.	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 Chuorinkan Yamatoshi, Japan	Japan	147	0,0005%
4.	Asiavantage Global Limited	CS3737	D0011 CC Phạm Viết Chánh, P19, Bình Thành, Tp.HCM	Bristish	5	5
5	New-S Securities Co.Ltd	Cs9483	EBISU BLDG, 11-10,3-CHOME, Tokio, Japan	Japan	500	0,0017%
	CỘNG				**19.741**	**0,07%**

2.4 Các dữ liệu thống kê về Cổ đông

Vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VNĐ** chia thành **20.000.000** cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đ/ Cổ phiếu).

Cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2010

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng /cổ phần.	
Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông nhà nước	10.279.435
Cổ đông trong nước	9.706.910
Cổ đông nước ngoài	13.655
Tổng số vốn sở hữu	**20.000.000**

Tỷ lệ cổ phần sở hữu theo thành phần	
Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông nhà nước	51.40%
Cổ đông trong nước	48.53%
Cổ đông nước ngoài	0.07%
Tổng cộng	**100%**

Đến ngày 14/01/2011

Vốn điều lệ của Công ty là **300.000.000.000 VNĐ** chia thành **30.000.000** cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đ/ Cổ phiếu).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng /cổ phần.	
Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông nhà nước	15.547.258
Cổ đông trong nước	14.433.001
Cổ đông nước ngoài	19.741
Tổng số vốn sở hữu	**30.000.000**

Tỷ lệ cổ phần sở hữu theo thành phần	
Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông nhà nước	51.82%
Cổ đông trong nước	48.11%
Cổ đông nước ngoài	0.07%
Tổng cộng	**100%**

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN KIM TIẾN